



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý chất lượng**

Laboratory: **Quality Management Department**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả**

Organization: **Cam Pha Electrical Equipment JSC**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1240**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**

Field: **Electrical – Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Phạm Xuân Trường**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Từ ngày /11/2025 đến ngày 28/12/2030**

Địa chỉ/
Address: **Số 822 đường Trần Phú, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
No. 822 Tran Phu Street, Quang Hanh Ward, Quang Ninh Province**

Địa điểm/
Location: **Số 822 đường Trần Phú, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
No. 822 Tran Phu Street, Quang Hanh Ward, Quang Ninh Province**

Điện thoại/ Tel: **0914570330**

E-mail: **quanlychatluong@veecp.com**

Website: **https://veecp.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1240

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1	Máy biến áp điện lực, điện áp đến 220 kV, công suất đến 300 MVA Power transformer, rated voltage up to 220 kV, Capacity up to 300 MVA	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	Đến/to: 1 000 GΩ; U: 250/ 500/ 1 000/ 2 500/ 5 000 V	IEEE C57.12.90-2021
2		Đo tỷ số biến áp và xác định tổ đấu dây <i>Measurement of voltage ratio and check phase displacement</i>	0,8 ~ 10 000	IEEE C57.12.90-2021
3		Đo điện trở một chiều cuộn dây <i>Measurement of winding resistance</i>	75 μΩ ~ 300 kΩ	IEEE C57.12.90-2021
4		Thử điện áp cảm ứng tần số 200 Hz Induced over voltage with stand test	Đến/ to: 80 kV	TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000)
5		Thử điện áp tăng cao bằng nguồn riêng biệt <i>Separate source voltage withstand test</i>	Đến/ to: 460 kV	TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000)
6		Đo tổn hao không tải và dòng điện không tải <i>Measurement of no-load loss and no- load current</i>	Công suất đến/ Capacity to: 3 000 kVA/ 80 kV	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)
7		Đo trở kháng ngắn mạch và tổn hao có tải <i>Measurement of short-circuit impedance and load loss</i>	Công suất đến/ Capacity to: 3 000 kVA/ 80 kV	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)
8		Thử nghiệm độ tăng nhiệt <i>Temperature rise test</i>	Công suất máy đến/ Capacity to: 3 000 kVA/ 80 kV	TCVN 6306-2:2006 (IEC 60076-2:1993)
9		Đo hệ số tổn hao điện môi (Tanδ) <i>Measurement of Dielectric Dissipation factor (Tanδ)</i>	U: đến/to 12 kV; C: 8 pF~22 μF	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)
10		Đo điện trở kháng thứ tự không. <i>Measurement of zero - sequence impedance</i>	Dòng điện đến/ Current to: 2 000 A; Điện áp đến/ Voltage to: 46 kV	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1240

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
11	Máy biến áp điện lực, điện áp đến 220 kV, công suất đến 300 MVA <i>Power transformer, rated voltage up to 220 kV, Capacity up to 300 MVA</i>	Thử xung sét <i>Lighting impulse test</i>	Đến/to: 1500 kVp; Dạng xung/ <i>Impulse form: 1,2 / 50 μs</i>	TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000)
12		Đo độ ồn <i>Measurement of sound level</i>	(30 ~ 130) dB; Class 2	TN-QTTN 09 (2022)
13		Thử đáp ứng tần số <i>Sweep frequency response analysis (SFRA) test</i>	20 Hz ~ 2 MHz	IEC 60076-18:2012
14		Thử đáp ứng tần số điện môi <i>Dielectric frequency response (DFR) test</i>	C: 10 pF ~ 100 μF; Hệ số tổn hao đến/ <i>Dissipation factor to</i> 10 %; Tần số/ <i>Frequency:</i> 0,1 mHz ~ 10 kHz	IEC 60076-1:2011
15		Thử xung đóng cắt <i>Switching impulse test</i>	Đến/ to 1 200 kVp	IEC 60076-3:2018 IEC 60076-4:2002
16		Thử phóng điện cục bộ (PD) <i>Partial discharge (PD) test</i>	Tần số đến/ <i>Frequency to</i> 2 MHz; 0,1 pC ~ 10 nC	IEC 60076-3:2018 IEC 60270:2025
17	Dầu cách điện <i>Insulating oil</i>	Thử điện áp đánh thủng <i>Breakdown voltage test</i>	Đến/to: 90 kV	IEC 60156:2025

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*;
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*;
- IEEE: Ủy ban Kỹ thuật Điện và Điện tử/ *Institute of Electrical and Electronics Engineers*;
- TN-QTTN xx (2022): Quy trình thử nghiệm do PTN xây dựng, ban hành năm 2022 / *Laboratory developed testing procedure, issued in 2022*;

Trường hợp Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Cam Pha Electrical Equipment JSC that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

